

TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
HUYỆN U MINH THƯỢNG Độc lập - Tự do – Hạnh phúc  
TỈNH KIÊN GIANG

Bản án số: 31/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 17/6/2024

Về việc tranh chấp ly hôn và

Nuôi con chung.

## NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN U MINH THƯỢNG, KIÊN GIANG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn Lợi

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Hoàng Hồ

2. Bà Lê Thị Sang

Thư ký tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Quách Huỳnh Như – Thư ký Tòa án nhân dân huyện U Minh Thượng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện U Minh Thượng: Không tham gia.

Trong ngày 17 tháng 06 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện U Minh Thượng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 14/2024/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 01 năm 2024 về việc “Tranh chấp ly hôn và nuôi con chung”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 35/2024/QĐXX-ST ngày 07 tháng 5 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số: 27/2024/QĐST-HNGĐ ngày 27/5/2024 giữa các đương sự:

**1. Nguyên đơn:** Chị Đỗ Thị Diễm M, sinh năm 1997. Có mặt

Địa chỉ: Ấp M, xã M, huyện U, Kiên Giang.

**2. Bị đơn:** Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1994 vắng mặt

Địa chỉ: Ấp M, xã M, huyện U, Kiên Giang.

## NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn ngày 18/01/2024 nguyên đơn chị Đỗ Thị Diễm M trình bày:

Tôi và anh T tự nguyện đi đến hôn nhân, có tổ chức đám cưới và có đăng ký kết hôn tại UBND xã M, huyện U tỉnh Kiên Giang vào ngày 24/10/2016, quá

trình chung sống đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống vợ chồng thường hay cãi nhau. Anh T quản lý tiền bạc khi mua bán, tụ tập bạn bè uống rượu, đá gà, đánh bài, nhiều lần vợ chồng hòa giải hàn gắn gia đình, nhưng không thành, đến tháng 10/2020 thì vợ chồng sống ly thân cho đến nay.

Nay xét thấy cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc nữa, nên tôi xin ly hôn với anh T.

Về con chung: Quá trình chung sống có 02 con chung: 1/Nguyễn Thu Thảo, sinh ngày 06/3/2014 (giới tính nữ), B, sinh ngày 06/02/2019 (giới tính nam) hiện các con đang sống với anh T. Khi ly hôn tôi đồng ý giao 02 con cho anh T nuôi dưỡng, tôi không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản, nợ: Không có tài sản chung, không nợ ai, không ai nợ chúng tôi. Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

***Từ khi thụ lý vụ án cho đến nay, anh T không đến Tòa án và không có ý kiến trình bày:***

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. *Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền:* Tranh chấp giữa nguyên đơn chị Đỗ Thị Diễm M khởi kiện yêu cầu xin ly hôn với bị đơn anh Nguyễn Văn T. Đây là tranh chấp việc ly hôn và nuôi con chung, được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 vụ kiện này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2] Về tố tụng: Anh Nguyễn Văn T được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng bị đơn anh Nguyễn Văn T vắng mặt tại phiên tòa không lý do, nên Tòa án xét xử vắng mặt anh T là đúng quy định tại Điều 227; 228 BLHS 2015.

[2]. *Về hôn nhân:* Anh Nguyễn Văn T và chị Đỗ Thị Diễm M tự tìm hiểu yêu thương nhau và sống với nhau như vợ chồng vào năm 2014, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn vào ngày 24/10/2016 tại UBND xã M, huyện U tỉnh Kiên Giang. Thời gian đầu tương đối hạnh phúc, đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không hợp nhau thường hay cự cãi, chị M cho rằng anh T quản lý tiền bạc khi mua bán, tụ tập bạn bè uống rượu, đá gà, đánh bài, nhiều lần vợ chồng hòa giải hàn gắn gia đình, nhưng không thành, đến tháng 10/2020 thì vợ chồng sống ly thân cho đến nay. Xét thấy mâu thuẫn giữa anh T và chị M là những mâu thuẫn thường gặp

trong cuộc sống vợ chồng, đáng lẽ ra anh, chị phải tạo điều kiện góp ý trao đổi để hàn gắn tình cảm xây dựng gia đình hạnh phúc, nuôi dạy con chung, nhưng ở đây anh, chị lại sống ly thân nhau làm cho mâu thuẫn vợ chồng trở nên trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài mục đích hôn nhân không đạt được, do đó nghĩ nên cho chị M được ly hôn với anh T là đúng theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4]. *Về con chung*: Chị M và anh T có 02 con chung. 1/Nguyễn Thu T1, sinh ngày 06/3/2014 (giới tính nữ), 2/ Nguyễn Văn N, sinh ngày 06/02/2019 (giới tính nam) hiện các con đang sống với anh T. Chị M đồng ý để 02 con sống với anh T, Chị M không cấp dưỡng nuôi con. Cháu T1 có nguyện vọng với cha, nghĩ nên tiếp tục giao cháu T1 và cháu N cho anh T tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp với nguyện vọng của các cháu. Chị M không cấp dưỡng nuôi con do anh T không yêu cầu.

[5]. *Về tài sản chung, nợ*: Chị M cho rằng không có tài sản chung, không nợ ai, không ai nợ anh, chị, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6]. *Về án phí dân sự sơ thẩm xin ly hôn*: Căn cứ vào Nghị Quyết số: 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án thì chị M phải chịu 300.000 đồng án phí xin ly hôn. Chị M được khấu trừ án phí tạm nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số: 0003076 ngày 19/01/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện U Minh Thượng. Chị M không phải nộp thêm.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng các khoản 1 Điều 28, khoản 4 Điều 147, Điều; 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 51, Điều 56 và Điều 81,82 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số: 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Toà án.

**Xử:** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Đỗ Thị Diễm M.

**1** Cho chị Đỗ Thị Diễm M được ly hôn với anh Nguyễn Văn T

**2.** *Về con chung*: Giao cho anh Nguyễn Văn T tiếp tục nuôi 02 con chung: 1/Nguyễn Thu Thảo, sinh ngày 06/3/2014 (giới tính nữ), 2/ Nguyễn Văn N, sinh ngày 06/02/2019 (giới tính nam) chị M không cấp dưỡng nuôi con do anh T không yêu cầu.

Chị Đỗ Thị Diễm M có quyền lui tới, thăm nom, chăm sóc con chung, không ai có quyền ngăn cấm.

**3.** *Về tài sản chung, nợ*: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm xin ly hôn: Chị Đỗ Thị Diễm M phải chịu 300.000 đồng án phí xin ly hôn. Chị M được khấu trừ án phí tạm nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số: 0003076 ngày 19/01/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện U Minh Thượng. Chị M không phải nộp thêm.

Báo cho anh T, chị M có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh T vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận (Niêm yết) bản án.

*“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7; 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.*

**Nơi nhận:**

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

- Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang;

**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Viện kiểm sát NI;

- Chi cục Thi hành án DS H. U Minh Thượng;

- Các đương sự;

- Lưu: Hồ sơ.

**Nguyễn Tấn L**











**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lâm Tấn Đ; Nguyễn Hoàng Hồ Nguyễn Tấn L1**

**Nơi nhận: TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

- Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang; **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
- Viện kiểm sát ND H. U Minh Thượng;
- Chi cục Thi hành án DS H. U Minh Thượng;
- Các đương sự;

- Lưu: Hồ sơ.

**Nguyễn Tấn Lợi**